
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Kinh doanh số**

0303576603

ngày 24 tháng 6 năm 2016

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là ngày 24 tháng 6 năm 2016. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu tiên số 4103002877 được cấp ngày 18 tháng 11 năm 2004.

Hội đồng Quản trị

Tiến sĩ Nguyễn Đăng Quang
Ông Hồ Hùng Anh

Ông Hồ Hùng Anh

Bà Nguyễn Hoàng Yến
Ông Nguyễn Thiệu Nam

Ông Lars Kjaer

Ông Dominic Edward Salter Price

Chủ tịch

Phó Chủ tịch

(từ ngày 17 tháng 3 năm 2016)

Thành viên

(đến ngày 16 tháng 3 năm 2016)

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Tiến sĩ Nguyễn Đăng Quang
Ông Nguyễn Thiệu Nam

Ông Michael Hung Nguyen

Ông Seokhee Won

Ông Nguyễn Anh Nguyên

Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

(từ ngày 15 tháng 8 năm 2016)

Đại diện pháp lý

Tiến sĩ Nguyễn Đăng Quang

Chủ tịch

Trụ sở đăng ký

Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza
17 Lê Duẩn
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“Công ty”) trình bày bản công bố này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tại thời điểm và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Khi lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và sau đó áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán phù hợp có được tuân thủ hay không, và các khác biệt trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính theo giả định hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh không còn phù hợp.


Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo đảm các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào, và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng có trách nhiệm quản lý tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm ngăn ngừa và phát hiện những gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty đính kèm tại thời điểm và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc


Tiến sĩ Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch
Tổng Giám đốc
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 16 tháng 8 năm 2016



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 16 tháng 8 năm 2016, được trình bày từ trang 5 đến trang 31.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 2410 Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ riêng trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 16-01-331



Chong Kwang Duay

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0864-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 8 năm 2016

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 150)	100		1.294.704.539.318	1.779.993.010.215
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	456.355.074.067	1.103.658.575.525
Tiền	111		9.027.034.067	17.768.813.552
Các khoản tương đương tiền	112		447.328.040.000	1.085.889.761.973
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		346.636.875.000	287.890.485.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	346.636.875.000	287.890.485.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	6	415.699.291.164	316.522.596.128
Phải thu khách hàng	131		19.299.420.000	19.420.800.000
Trả trước cho người bán	132		410.790.600	139.930.901.584
Phải thu khác	136		395.989.080.564	157.170.894.544
Tài sản ngắn hạn khác	150		76.013.299.087	71.921.353.562
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		7.583.679.049	973.996.889
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		55.169.017.009	52.859.409.593
Thuế phải thu Nhà nước	153	7	13.260.603.029	18.087.947.080
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		22.117.624.417.783	22.431.116.058.082
Các khoản phải thu dài hạn	210	6	7.707.681.862.037	7.908.358.080.359
Phải thu từ cho vay dài hạn	215		4.358.974.085.011	4.773.374.085.011
Phải thu dài hạn khác	216		3.348.707.777.026	3.134.983.995.348
Tài sản cố định	220		2.055.443.077	3.625.647.326
Tài sản cố định hữu hình	221	8	1.230.372.280	2.428.670.372
<i>Nguyên giá</i>	222		21.009.004.654	20.898.895.563
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(19.778.632.374)	(18.470.225.191)
Tài sản cố định vô hình	227	9	825.070.797	1.196.976.954
<i>Nguyên giá</i>	228		4.532.362.903	4.532.362.903
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(3.707.292.106)	(3.335.385.949)
Tài sản dở dang dài hạn	240		4.321.449.032	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	10	4.321.449.032	-
Đầu tư tài chính dài hạn	250		14.289.250.813.431	14.515.337.397.675
Đầu tư vào công ty con	251	5(b)	6.300.018.573.534	6.526.105.157.778
Đầu tư vào công ty liên kết	252	5(c)	7.989.232.239.897	7.989.232.239.897
Tài sản dài hạn khác	260		114.314.850.206	3.794.932.722
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	114.314.850.206	3.794.932.722
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		23.412.328.957.101	24.211.109.068.297

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

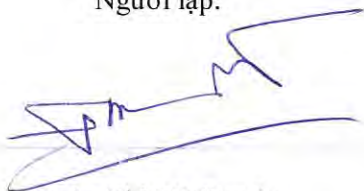
Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		6.577.514.347.603	7.093.306.209.692
Nợ ngắn hạn	310		660.186.874.924	3.104.583.987.472
Phải trả người bán	311		7.273.099.821	240.310.312
Chi phí phải trả	315	12	75.166.978.759	147.890.913.996
Phải trả ngắn hạn khác	319	13	9.786.796.344	111.611.263.164
Vay ngắn hạn	320	14(a)	567.960.000.000	2.844.841.500.000
Nợ dài hạn	330		5.917.327.472.679	3.988.722.222.220
Vay và trái phiếu dài hạn	338	14(b)	5.917.327.472.679	3.988.722.222.220
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		16.834.814.609.498	17.117.802.858.605
Vốn chủ sở hữu	410	15	16.834.814.609.498	17.117.802.858.605
Vốn cổ phần	411	16	7.560.756.740.000	7.467.178.610.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		7.560.756.740.000	7.467.178.610.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	16	9.631.106.345.096	9.631.106.345.096
Vốn khác của chủ sở hữu	414	18	(1.695.338.182.568)	(1.488.971.806.985)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.338.289.706.970	1.508.489.710.494
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		1.508.489.710.494	2.030.844.864.421
- Lỗ sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(170.200.003.524)	(522.355.153.927)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		23.412.328.957.101	24.211.109.068.297

Ngày 16 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Đoàn Thị Mỹ Duyên
Kế toán trưởng

Người duyệt:





Michael Hung Nguyen
Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc Tài chính

Tiên sĩ Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

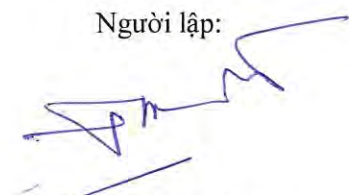
Mẫu B 02a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	339.587.808.304	357.557.982.052
Chi phí hoạt động tài chính	22	21	326.897.592.366	310.971.628.551
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		298.923.550.119	309.886.323.494
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	182.890.219.462	422.720.138.467
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 21 - 22 - 26)	30		(170.200.003.524)	(376.133.784.966)
Thu nhập khác	31		-	7.538.103.742
Chi phí khác	32		-	50.327.521
Lợi nhuận khác (40= 31 - 32)	40		-	7.487.776.221
Lỗ kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(170.200.003.524)	(368.646.008.745)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	23	-	-
Lỗ sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		(170.200.003.524)	(368.646.008.745)


Ngày 16 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Đoàn Thị Mỹ Duyên
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Michael Hung Nguyen
Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc Tài chính

Tiên sĩ Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lỗ kế toán trước thuế	01		(170.200.003.524)	(368.646.008.745)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		1.680.313.340	2.989.772.092
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện thuần	04		122.001.008	(470.000.000)
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05		(319.719.664.060)	(356.835.953.331)
Chi phí lãi vay	06		298.923.550.119	309.886.323.494
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(189.193.803.117)	(413.075.866.490)
(Tăng)/giảm các khoản phải thu và tài sản khác	9		(121.805.902.415)	288.585.326.685
(Giảm)/tăng các khoản phải trả và nợ khác	11		(44.730.183.604)	52.468.073.544
Giảm chi phí trả trước	12		16.957.860.219	9.507.836.816
			(338.772.028.917)	(62.514.629.445)
Tiền lãi vay đã trả	14		(432.542.723.740)	(303.452.088.268)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(771.314.752.657)	(365.966.717.713)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(4.431.558.123)	(87.727.274)
Tiền chi cho các khoản cho vay và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23		(514.967.450.000)	(14.468.916.883)
Tiền thu từ các khoản cho vay và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24		870.621.060.000	319.182.706.884
Tiền chi đầu tư	25		-	(3.694.750.277.778)
Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư	26		206.218.440.000	3.035.142.857.143
Tiền thu từ tiền lãi	27		16.802.130.777	18.952.605.427
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		574.242.622.654	(336.028.752.481)

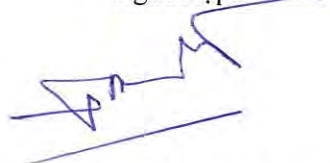
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		93.578.130.000	-
Tiền chi mua lại công cụ vốn	32		(266.927.380.447)	-
Tiền thu từ nợ vay	33		2.000.000.000.000	819.000.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.276.881.500.000)	(190.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		(450.230.750.447)	629.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(647.302.880.450)	(72.995.470.194)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		1.103.658.575.525	517.250.505.093
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		(621.008)	1.900.000
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	4	456.355.074.067	444.256.934.899

Ngày 16 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Đoàn Thị Mỹ Duyên
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Michael Hung Nguyen
Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc Tài chính




Tiến sĩ Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý đầu tư.

(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có 31 nhân viên (1/1/2016: 32 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

(c) Đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản phải thu từ cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Tổng Giám đốc của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại, chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nâng cấp tài sản thuê 5 năm
- thiết bị văn phòng 3 – 5 năm

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm máy vi tính này không là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 đến 5 năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(g) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí nâng cấp tài sản thuê cho văn phòng mới chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình nâng cấp.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 đến 3 năm.

(ii) Phí dịch vụ tư vấn

Phí dịch vụ tư vấn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

(i) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

(j) Trái phiếu phát hành

Trái phiếu thường

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(k) Vốn chủ sở hữu

(i) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần chênh lệch tăng do giá phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là khoản giảm thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Vốn khác của chủ sở hữu

Các thỏa thuận phát hành một số lượng cổ phiếu nhất định vào một ngày ấn định trong tương lai, được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý tại ngày của các thỏa thuận và được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu nếu không tồn tại các thỏa thuận thay thế nào khác.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi, lãi từ khoản cho vay và lãi chênh lệch tỷ giá. Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(n) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay, trái phiếu, lỗ do chênh lệch tỷ giá, chi phí vay được phân bổ và lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư vốn chủ sở hữu. Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản cố định hữu hình đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản đủ điều kiện sẽ được vốn hóa như một phần của nguyên giá các tài sản này.

(o) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Tiền mặt	141.708.466	149.708.466
Tiền gửi ngân hàng	8.885.325.601	17.619.105.086
Các khoản tương đương tiền	447.328.040.000	1.085.889.761.973
	<hr/>	<hr/>
	456.355.074.067	1.103.658.575.525

Các khoản tương đương tiền phản ánh tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn không quá ba tháng kể từ ngày giao dịch.

5. Các khoản đầu tư tài chính

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn (a)	346.636.875.000	287.890.485.000
	<hr/>	<hr/>
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		
Đầu tư vào công ty con (b)	6.300.018.573.534	6.526.105.157.778
Đầu tư vào công ty liên kết (c)	7.989.232.239.897	7.989.232.239.897
	<hr/>	<hr/>
	14.289.250.813.431	14.515.337.397.675

(a) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với thời gian đáo hạn còn lại không quá mười hai tháng kể từ ngày lập báo cáo.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

(b) Đầu tư vào công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư của Công ty vào công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

	30/6/2016				1/1/2016					
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
<ul style="list-style-type: none"> ▪ Công ty TNHH MasanConsumerHoldings Company (“MCH”) ▪ Công ty Cổ phần Tâm Nhìn Masan (“MH”) ▪ Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science (trước đây là Công ty TNHH Masan Nutri-Science) (“MNS”) 	85,7%	85,7%	516.600.000.000	-	(*)	100,0%	100,0%	516.600.000.000	-	(*)
	99,9%	99,9%	3.816.814.880.000	-	(*)	99,9%	99,9%	3.816.814.880.000	-	(*)
	89,7%	89,7%	1.966.603.693.534	-	(*)	99,9%	99,9%	2.192.690.277.778	-	(*)
			6.300.018.573.534	-	(*)			6.526.105.157.778	-	(*)

(*) Tại ngày lập báo cáo, chưa có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động khoản đầu tư vào các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 như sau:

	MCH VND	MH VND	MNS VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	516.600.000.000	3.816.814.880.000	2.192.690.277.778	6.526.105.157.778
Thanh lý khoản đầu tư	-	-	(226.086.584.244)	(226.086.584.244)
Số dư cuối kỳ	516.600.000.000	3.816.814.880.000	1.966.603.693.534	6.300.018.573.534

(c) Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết các khoản đầu tư của Công ty vào công ty liên kết như sau:

	30/6/2016		1/1/2016	
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (“Techcombank”)	15,00%	15,00%	(*) 7.989.232.239.897	(*) 7.989.232.239.897
			-	-
			(*) 15,00%	(*) 15,00%
			7.989.232.239.897	7.989.232.239.897
			-	-
			(*) 15,00%	(*) 15,00%
			7.989.232.239.897	7.989.232.239.897

(*) Tại ngày lập báo cáo, chưa có thông tin về giá trị hợp lý về giá trị hợp lý của những khoản đầu tư này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu – ngắn hạn và dài hạn

Phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Khoản phải thu phi thương mại từ công ty mẹ (*)	142.244.000.000	142.244.000.000
Phải thu từ các dịch vụ	11.547.311.554	11.547.311.554
Lãi trích trước phải thu từ các khoản tiền gửi	11.967.269.010	2.905.373.161
Ký quỹ ngắn hạn	230.029.500.000	29.500.000
Phải thu khác	201.000.000	444.709.829
	<hr/>	<hr/>
	395.989.080.564	157.170.894.544
	<hr/>	<hr/>

Phải thu từ cho vay dài hạn bao gồm:

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Phải thu từ công ty con (**)	4.358.974.085.011	4.773.374.085.011
	<hr/>	<hr/>

Phải thu dài hạn khác bao gồm:

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Ký quỹ dài hạn	2.313.495.000	2.313.495.000
Lãi trích trước phải thu từ các bên liên quan (**)	3.346.394.282.026	3.132.670.500.348
	<hr/>	<hr/>
	3.348.707.777.026	3.134.983.995.348
	<hr/>	<hr/>

(*) Khoản phải thu phi thương mại ngắn hạn từ Công ty Cổ phần Masan, công ty mẹ, không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(**) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, phải thu từ cho vay dài hạn và phải thu dài hạn khác từ các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- (a) 2.670.490 triệu VND (1/1/2016: 2.520.711 triệu VND) liên quan đến hợp đồng vay không được đảm bảo cho một công ty con với số tiền là 1.962.319 triệu VND (1/1/2016: 1.962.319 triệu VND) và lãi phải thu liên quan là 708.171 triệu VND (1/1/2016: 558.392 triệu VND). Thời hạn vay của khoản vay được điều chỉnh đáo hạn vào tháng 12 năm 2017 và hưởng lãi suất năm là 12,0% (2015: 12,0% một năm);
- (b) Khoản lãi phải thu từ một hợp đồng cấp vốn không được đảm bảo giữa Công ty và một công ty con với số tiền là 490.061 triệu VND (1/1/2016: 490.061 triệu VND). Khoản lãi này sẽ được hoàn trả vào ngày đáo hạn trong tháng 12 năm 2017;
- (c) 1.455.324 triệu VND (1/1/2016: 1.555.324 triệu VND) liên quan đến khoản lãi phải thu của khoản cho vay không được đảm bảo tương đương 218 triệu USD và 2.200 tỷ VND cấp cho các công ty con. Khoản lãi phải thu này được thanh toán trong tháng 12 năm 2020;
- (d) 2.672.427 triệu VND (1/1/2016: 2.521.796 triệu VND) liên quan đến hợp đồng vay không được đảm bảo cho một công ty con với số tiền là 1.997.555 triệu VND (1/1/2016: 1.997.555 triệu VND) và lãi phải thu liên quan là 674.872 triệu VND (1/1/2016: 524.241 triệu VND). Khoản vay này sẽ đáo hạn trong năm 2018 và hưởng lãi suất năm là 12,0% (2015: 12,0% một năm); và
- (e) 417.066 triệu VND (1/12016: 818.153 triệu VND) liên quan đến hợp đồng vay không được đảm bảo cho một công ty con với số tiền là 399.100 triệu VND (1/1/2016: 813.500 triệu VND) và lãi phải thu liên quan là 17.966 triệu VND (1/1/2016: 4.653 triệu VND). Khoản vay này sẽ đáo hạn trong tháng 11 năm 2017 và hưởng lãi suất năm là 6,0% (2015: 6,0% một năm).

7. Thuế phải thu Nhà nước

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	398.015.743	398.015.743
Thuế thu nhập cá nhân	423.170.373	52.131.411
Thuế nhà thầu nước ngoài	12.439.416.913	17.637.799.926
	<hr/>	<hr/>
	13.260.603.029	18.087.947.080

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nâng cấp tài sản thuê VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	15.140.249.974	5.758.645.589	20.898.895.563
Tăng trong kỳ	-	110.109.091	110.109.091
Số dư cuối kỳ	15.140.249.974	5.868.754.680	21.009.004.654
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	13.777.167.973	4.693.057.218	18.470.225.191
Khấu hao trong kỳ	545.415.536	762.991.647	1.308.407.183
Số dư cuối kỳ	14.322.583.509	5.456.048.865	19.778.632.374
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	1.363.082.001	1.065.588.371	2.428.670.372
Số dư cuối kỳ	817.666.465	412.705.815	1.230.372.280

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***9. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	4.532.362.903
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	3.335.385.949
Khấu hao trong kỳ	371.906.157
Số dư cuối kỳ	3.707.292.106
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	1.196.976.954
Số dư cuối kỳ	825.070.797

10. Xây dựng cơ bản dở dang

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí nâng cấp tài sản thuê cho văn phòng mới chưa được hoàn thành.

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Dịch vụ tư vấn VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	187.532.722	3.607.400.000	3.794.932.722
Tăng trong kỳ	132.800.000	134.087.459.863	134.220.259.863
Phân bổ trong kỳ	(79.232.401)	(23.621.109.978)	(23.700.342.379)
Số dư cuối kỳ	241.100.321	114.073.749.885	114.314.850.206

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***12. Chi phí phải trả**

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Lãi vay phải trả	54.264.288.054	115.383.332.025
Phí tư vấn	20.415.277.883	28.040.462.433
Thuế nhà thầu	148.412.822	2.118.812.549
Khác	339.000.000	2.348.306.989
	<hr/>	<hr/>
	75.166.978.759	147.890.913.996
	<hr/>	<hr/>

13. Phải trả khác

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Nghĩa vụ phát hành cổ phiếu (*)	-	60.561.004.864
Khác	9.786.796.344	51.050.258.300
	<hr/>	<hr/>
	9.786.796.344	111.611.263.164
	<hr/>	<hr/>

(*) Nghĩa vụ phát hành cổ phiếu thể hiện khoản nợ phải trả để phát hành thêm một lượng cổ phiếu không cố định như đã được trình bày trong Thuyết minh 18.

14. Vay và trái phiếu

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Vay ngắn hạn		
Vay dài hạn đến hạn trả (a)	567.960.000.000	2.844.841.500.000
	<hr/>	<hr/>
Vay và trái phiếu dài hạn (*)		
Vay và trái phiếu dài hạn	6.485.287.472.679	6.833.563.722.220
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(567.960.000.000)	(2.844.841.500.000)
	<hr/>	<hr/>
	5.917.327.472.679	3.988.722.222.220
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(*) Vay và trái phiếu dài hạn**

	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Vay chuyển đổi (a)	567.960.000.000	567.960.000.000
Trái phiếu thường (b)	5.917.327.472.679	6.265.603.722.220
	<u>6.485.287.472.679</u>	<u>6.833.563.722.220</u>
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(567.960.000.000)	(2.844.841.500.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	5.917.327.472.679	3.988.722.222.220

(a) Khoản vay chuyển đổi

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2016 VND	1/1/2016 VND
Credit Suisse Ag	USD	9,6%	2016	567.960.000.000	567.960.000.000

Khoản vay từ Goldman Sachs Group, Inc. thông qua Công ty Jade Dragon (Mauritius) Limited là khoản vay được quyền chuyển đổi bằng USD với nợ gốc là 30 triệu USD.

Bên cạnh các điều khoản khác, thỏa thuận này bao gồm các điều khoản sau:

- (i) Lãi suất của khoản vay này gồm hai phần: lãi suất danh nghĩa và lãi suất hoãn lại. Lãi suất hoãn lại sẽ không được trả nếu khoản vay này được chuyển đổi. Trong thời hạn từ ngày 15 tháng 12 năm 2010 đến ngày 14 tháng 12 năm 2012, lãi suất danh nghĩa và lãi suất hoãn lại lần lượt là 2,0% một năm và 6,0% một năm. Trong thời hạn từ ngày 15 tháng 12 năm 2012 đến ngày 14 tháng 12 năm 2013, lãi suất danh nghĩa và lãi suất hoãn lại lần lượt là 4,0% một năm và 4,0% một năm. Trong thời hạn từ ngày 15 tháng 12 năm 2013 đến ngày 14 tháng 12 năm 2015, lãi suất danh nghĩa và lãi suất hoãn lại lần lượt là 6,0% một năm và 2,0% một năm. Khoản vay này đến hạn vào ngày 14 tháng 12 năm 2015. Lãi suất danh nghĩa được tính cộng dồn theo ngày và lãi suất hoãn lại được tính cộng dồn theo năm. Tập đoàn trích trước lãi vay dựa trên lãi suất danh nghĩa.
- (ii) Khoản vay này có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của Công ty vào bất kỳ thời điểm nào sau hai năm kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2010 đến ngày đến hạn của khoản vay.
- (iii) Giá chuyển đổi được xác định là 65.000 VND cho mỗi cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (iv) Công ty còn ký kết một hợp đồng với Công ty Cổ phần Masan mà theo đó công ty này sẽ chịu rủi ro và nghĩa vụ trong việc mua và trả một khoản tiền mặt là 30 triệu USD cộng lãi hoãn lại phải trả cho 9.000.000 cổ phiếu của khoản vay được chuyển đổi trong trường hợp bên cho vay không thực hiện quyền chuyển đổi cổ phiếu.

Vào ngày 1 tháng 12 năm 2015, khoản vay này đã được điều chỉnh với ngày đến hạn vào ngày 14 tháng 12 năm 2016. Credit Suisse Ag, Singapore Branch (“CSA”) trở thành bên cho vay theo Thỏa thuận Tín dụng giữa Công ty, JD và CSA. Tất cả các điều khoản và điều kiện được trình bày bên trên theo như đã được thỏa thuận trước đó giữa Công ty và JD được giữ nguyên là thỏa thuận giữa Công ty và CSA.

(b) Trái phiếu thường

6.000 tỷ VND (1/1/2016: 4.000 tỷ VND) trái phiếu không bao gồm chi phí phát hành với thời gian đáo hạn 5 năm và có mức lãi suất năm là 8,0% trong năm đầu tiên và biên độ 3,0% cộng với bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng chính được chọn trong thời gian còn lại. Công ty đã thế chấp 81,3 triệu cổ phiếu của MSC để đảm bảo cho các trái phiếu này.

Trong kỳ, Công ty đã tuân thủ các điều khoản đối với các khoản trái phiếu trên.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	7.358.081.400.000	9.631.164.382.096	(1.488.971.806.985)	2.030.844.864.421	17.531.118.839.532
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	(368.646.008.745)	(368.646.008.745)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	7.358.081.400.000	9.631.164.382.096	(1.488.971.806.985)	1.662.198.855.676	17.162.472.830.787
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	7.467.178.610.000	9.631.106.345.096	(1.488.971.806.985)	1.508.489.710.494	17.117.802.858.605
Phát hành cổ phiếu mới (Thuyết minh 16)	93.578.130.000	-	-	-	93.578.130.000
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	(170.200.003.524)	(170.200.003.524)
Giao dịch vốn chủ sở hữu (Thuyết minh 18)	-	-	(206.366.375.583)	-	(206.366.375.583)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	7.560.756.740.000	9.631.106.345.096	(1.695.338.182.568)	1.338.289.706.970	16.834.814.609.498

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***16. Vốn cổ phần và thặng dư vốn**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2016		1/1/2016	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	756.075.674	7.560.756.740.000	746.717.861	7.467.178.610.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	756.075.674	7.560.756.740.000	746.717.861	7.467.178.610.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	9.631.106.345.096	-	9.631.106.345.096

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần đã phát hành trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016		Từ 1/1/2015 đến 31/12/2015	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ/năm	746.717.861	7.467.178.610.000	735.808.140	7.358.081.400.000
Phát hành cổ phiếu mới theo mệnh giá bằng tiền	9.357.813	93.578.130.000	10.909.721	109.097.210.000
Số dư cuối kỳ	756.075.674	7.560.756.740.000	746.717.861	7.467.178.610.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30
tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Chi trả bằng cổ phiếu

Công ty có kế hoạch trả thù lao bằng cổ phiếu dựa trên việc đánh giá thành tích của nhân viên. Việc phát hành cổ phiếu trong tương lai theo kế hoạch này phải được các cổ đông phê duyệt tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

Vào ngày 15 tháng 6 năm 2016, vốn cổ phần của Công ty tăng từ 7.467.179 triệu VND lên 7.560.757 triệu VND bằng việc phát hành thêm 9.357.813 cổ phiếu cho nhân viên trong kế hoạch trả thù lao bằng cổ phiếu.

18. Vốn khác của chủ sở hữu

Biến động vốn khác của chủ sở hữu trong kỳ/năm như sau:

	Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 1/1/2015 đến 31/12/2015 VND
Số dư đầu kỳ	1.488.971.806.985	1.488.971.806.985
Giao dịch vốn chủ sở hữu (*)	206.366.375.583	-
	1.695.338.182.568	1.488.971.806.985

(*) Trong năm 2012, Công ty đã ký hợp đồng vay chuyển đổi 30 triệu USD (tương đương với số tiền là 624.840 triệu VND) với Mount Kellett Capital Management LP thông qua Công ty MRG Limited với thời hạn là 4 năm.

Để tăng cường mức tín nhiệm tín dụng của Công ty và hỗ trợ giao dịch tài chính, công ty mẹ ký các thỏa thuận với Công ty và bên cho vay, mà theo đó công ty mẹ sẽ chấp nhận mọi rủi ro và nghĩa vụ trong việc mua cổ phiếu chuyển đổi và thanh toán trực tiếp số nợ gốc và khoản lãi vay hoãn lại cho các bên cho vay trong trường hợp các bên cho vay không thực hiện quyền chuyển đổi khoản vay thành cổ phiếu. Công ty mẹ không nhận bất kỳ khoản tiền công hay lợi ích nào khác trong việc hỗ trợ này cho Công ty.

Bên cạnh đó, thỏa thuận này còn bao gồm các điều khoản sau:

- (i) Các khoản vay chuyển đổi có lãi suất nửa năm là 5,0% trong năm thứ nhất, 6,0% trong năm thứ hai và thứ ba, và 7,0% cho thời hạn còn lại của khoản vay chuyển đổi. Lãi suất hoãn lại 10,0% tương ứng với tỷ lệ hoàn vốn thực tế được thanh toán nếu quyền chuyển đổi không được thực hiện; và
- (ii) Cổ phiếu được phát hành khi chuyển đổi (“Cổ phiếu chuyển đổi”) có thể được xác định căn cứ vào giá chuyển đổi ban đầu là 85.000 VND một cổ phiếu và phụ thuộc vào các điều chỉnh và các điều khoản khác của thỏa thuận đã ký kết. Tuy nhiên, số lượng Cổ phiếu chuyển đổi tối đa sẽ là 9,6 triệu cổ phiếu. Số lượng Cổ phiếu chuyển đổi bắt buộc phát hành tối thiểu là 7,5 triệu cổ phiếu, được coi như một công cụ vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tháng 7 năm 2013, Công ty đã mua lại hai phần ba của khoản vay chuyển đổi có giá trị là 30 triệu USD của Công ty MRG Limited, dẫn đến việc số lượng cổ phiếu chuyển đổi tối đa giảm xuống còn 3,2 triệu và số lượng Cổ phiếu chuyển đổi bắt buộc phát hành tối thiểu đã giảm xuống còn 2,5 triệu tại ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Trong tháng 3 năm 2016, Công ty đã mua lại một phần ba còn lại của khoản vay chuyển đổi có giá trị là 30 triệu USD của Công ty MRG Limited bằng khoản tiền 266.927 triệu VND.

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2016	1/1/2016
	VND	VND
Trong vòng một năm	4.493.160.000	6.766.200.000
Trong vòng hai đến năm năm	-	435.248.877
	<hr/>	<hr/>
	4.493.160.000	7.201.448.877
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

(b) Ngoại tệ

	30/06/2016		1/1/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	4.436	98.743.438	4.467	100.069.088
	<hr/>		<hr/>	

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ /1/2015 đến 30/6/2015 VND
Thu nhập lãi từ tiền gửi	20.834.693.292	12.728.505.326
Thu nhập lãi từ cho các công ty con vay	313.723.781.678	316.421.005.931
Hoạt động đầu tư khác	5.029.333.334	27.686.442.074
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	722.028.721
	339.587.808.304	357.557.982.052

21. Chi phí tài chính

	Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ /1/2015 đến 30/6/2015 VND
Chi phí lãi vay/trái phiếu từ:		
• Trái chủ và các bên khác	298.923.550.119	301.890.268.699
• Công ty con	-	7.996.054.795
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.607.799.895	717.999.464
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư	19.868.144.244	-
Chi phí tài chính khác	6.498.098.109	367.305.593
	326.897.592.366	310.971.628.551

22. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ /1/2015 đến 30/6/2015 VND
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.680.313.340	2.989.772.092
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.780.861.801	9.014.989.485
Chi phí nhân viên và chi phí khác (*)	145.429.044.321	410.715.376.890
	182.890.219.462	422.720.138.467

(*) Bao gồm trong Chi phí khác là chi phí hỗ trợ cho các công ty con.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***23. Thuế thu nhập****(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016		Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015	
	%	VND	%	VND
Lỗi kế toán trước thuế	100%	(170.200.003.524)	100%	(368.646.008.745)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	20,00%	(34.040.000.705)	22,00%	(81.102.121.924)
Chi phí không được trừ	11,89%	20.238.446.513	21,53%	79.365.573.540
Biến động chênh lệch tạm thời	(0,39%)	(665.805.427)	-	-
Tài sản thuế hoãn lại chưa được ghi nhận	8,50%	14.467.359.619	0,47%	1.736.548.384
	-	-	-	-

(b) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% (2015: 22%) trên lợi nhuận chịu thuế.

24. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Cùng với số dư của bên liên quan và các giao dịch trình bày trong thuyết minh khác trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam trong kỳ như sau:

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 1/1/2015 đến 30/6/2015 VND
Công ty con sở hữu trực tiếp			
Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan	Khoản cho vay cấp cho công ty con	-	3.195.626.883
	Thu nhập lãi cho vay	300.410.504.966	266.295.477.500
Công ty con sở hữu gián tiếp			
Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan (trước đây là Công ty Cổ phần Tài nguyên Ma San)	Cán trừ nợ	85.000.000.000	-
	Thu nhập lãi cho vay	-	37.457.241.793

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)

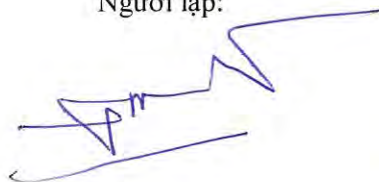
Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Từ 1/1/2016 đến 30/6/2016 VND	Từ 1/2015 đến 30/6/2015 VND
Công ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo	Cần trừ nợ	15.000.000.000	360.000.000.000
	Khoản cho vay cấp cho công ty con	-	11.321.749.347
Công ty TNHH Masan Brewery	Khoản cho vay thu từ công ty con	-	79.568.706.884
	Thu nhập lãi cho vay	-	1.346.037.292
Công ty TNHH Shika	Khoản cho vay cấp cho công ty con	228.500.000.000	-
	Khoản cho vay thu từ công ty con	642.900.000.000	-
	Thu nhập lãi cho vay	13.313.276.712	27.685.942.074
Công ty TNHH Kenji	Khoản vay nhận từ công ty con	-	629.000.000.000
	Chi phí lãi vay	-	7.996.054.795
Ban quản lý chủ chốt	Thù lao cho Ban quản lý chủ chốt (*)	6.998.751.531	4.700.903.622

(*) Các thành viên trong Hội đồng Quản trị không được hưởng bất cứ khoản thù lao nào trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 và ngày 30 tháng 6 năm 2015.

Ngày 16 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Đoàn Thị Mỹ Duyên
Kế toán trưởng

Người duyệt:





Michael Hung Nguyen
Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc Tài chính

Tiến sĩ Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch
Tổng Giám đốc

